

Bản án số: 249/2017/DSST

Ngày: 27/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 262/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2017/QĐST-DS ngày 11/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Quốc H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 330/UQ-SCB-CNTĐ.17 ngày 31/5/2017); (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1975; địa chỉ: đường Đ, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lương Quốc H trình bày:

Ngày 07/9/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S) ký kết “Hợp đồng tín dụng trung dài hạn” số 672/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 đề cho bà Phạm Thị Bích T vay số tiền 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; lãi

suất được điều chỉnh theo thông báo của S theo từng thời điểm giải ngân và được ghi trên bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ là 8%/năm cho 12 tháng đầu; trả gốc và lãi hàng tháng, trong đó trả gốc là 17.500.000 đồng và tiền lãi trên dư nợ giảm dần; mục đích vay mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà T có thể chấp cho S tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu FAW, biển kiểm soát 51D-xxx.03 theo “Hợp đồng thế chấp số 697/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 được Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 028094, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả được 87.500.000 đồng nợ gốc và 34.762.951 đồng tiền lãi thì ngưng không thanh toán nữa. S nhiều lần liên hệ trực tiếp yêu cầu bà T tiếp tục thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng nhưng không có kết quả.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H yêu cầu Tòa án buộc bà T có nghĩa vụ trả ngay cho S số tiền nợ gốc là 962.500.000 đồng và tiền lãi là 55.020.700 đồng (bao gồm tiền lãi trong hạn là 48.273.383 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.701.557 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 5.045.760 đồng).

Trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì S được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Bích T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 14 giờ 00 ngày 11/9/2017 và 13 giờ 30 phút ngày 27/9/2017, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả ngay số tiền nợ là 962.500.000 đồng và tiền lãi tính đến nay là 55.020.700 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Phạm Thị Bích T, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ 962.500.000 đồng nợ gốc và tiền lãi nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một

bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà T không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà T chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

Căn cứ “Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ” số 672/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 13/9/2016 có chữ ký và ghi tên Phạm Thị Bích T có cơ sở để xác định bà T đã vay của S số tiền 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất là 8%/năm, trả vốn và lãi mỗi tháng là 17.500.000 đồng. S và bà T ký kết “Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ” số 672/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 13/9/2016 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T chỉ mới thanh toán được cho S số tiền nợ gốc là 87.500.000 đồng và 34.762.951 đồng tiền lãi thì ngưng không thanh toán nữa là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc S khởi kiện yêu cầu bà T trả toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

[2] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản tiền vay, bà T đã thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu FAW, biển kiểm soát 51D-xxx.03 cho S, hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 13/9/2016 và ký kết “Hợp đồng thế chấp số 697/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 được Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 028094, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2016. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm và thế chấp tài sản đã được các bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nên được pháp luật bảo vệ. Do đó, trong trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 BLDS.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 962.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2017 là 55.020.700 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 42.525.621 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 355, Điều 336, Điều 338, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Phạm Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 962.500.000 đồng (chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 55.020.700 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).

Bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số nợ gốc là 962.500.000 đồng (chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính từ ngày 28/9/2017 cho đến khi trả hết số nợ trên theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ” số 672/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 13/9/2016.

3. Trong trường hợp bà Phạm Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu FAW, màu sơn trắng, biển kiểm soát 51D-xxx.03 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 194465 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/9/2016 cho chủ xe là bà Phạm Thị Bích T.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì bà T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp bà T thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho bà T.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Bích T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.525.621 đồng (bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi một đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.729.802 đồng (hai mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm lẻ hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004165 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.(12)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Quỳnh Anh